

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 30-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khiêng Sóc

2. Ông Mai Văn T

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoài Th1 - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Cót), sinh năm 1993 Nơi sinh: huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm AH B, thị trấn B C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm AH B, thị trấn B C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Lâm Thị Thùy Tr (đã ly hôn), anh chị em có 05 người, bị cáo là người thứ tư; Tiền án: không; Tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ sống với gia đình, học đến lớp 6 thì nghỉ, sau đó kết hôn và sống bằng nghề làm thuê, ngày 16-12-2011 bị đưa vào trường giáo dưỡng số 5, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 01-11-2013; bị bắt tạm giam từ ngày 24-3-2020 đến nay, bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Lâm Văn Tuấn A, sinh năm 1998, nơi cư trú: khóm AĐ A, thị trấn B C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt.

Ông Trần Văn L, sinh năm 1995, nơi cư trú: ấp VL, xã VP huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn Th, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp P C, xã A N, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Võ Chí B, sinh năm 1995, vắng mặt;

Ông Trần Minh Tr, sinh năm 1989, vắng mặt;

Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1996, vắng mặt;

Ông Trần Minh T, sinh năm 1997, có mặt;

Ông Nguyễn Duy Th1, sinh năm 1998, vắng mặt;

Ông Võ Chí H, sinh năm 1997, vắng mặt;

Bà Phan Thị Thu Th, sinh năm 1990, có mặt;

Ông Đào Văn H1, sinh năm 1998, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 07-7-2019, Nguyễn Văn T uống rượu cùng Nguyễn Duy Th1 và một số người khác tại nhà Trần Minh T thuộc khóm Th1 Lương, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, sau khi uống rượu xong thì T cùng Th1 đến khu vực Ô Đá – Ba Chúc để uống rượu tiếp. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định trộm xe bán để kiếm tiền tiêu xài nên T đi bộ đến nhà Trí thì phát hiện một xe gắn máy biển số 67AN-017.55 nhãn hiệu ESPERO CUP, màu xanh trắng của Lâm Văn Tuấn A có để sẵn chìa khóa trên xe, không người trong giữ, T dẫn xe đi một đoạn khoảng 100 mét, sau đó lên xe chạy đến thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang bán cho một người không rõ nhân thân được 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 9-10-2019 T mượn xe mô tô biển số 67B1-325.93 của Đào Văn H1 đi đến chòi vịt của Đém (không rõ nhân thân) để xin vịt về nhà H1 tại ấp VL, xã VP, huyện Tri Tôn để tổ chức uống rượu cùng H1 và Trần Văn L, đến khoảng 14 giờ T tiếp tục mượn xe của L biển số 67F1-282.55 nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu trắng đen để đi mua rượu và xin vịt. Sau khi L giao xe, T điều khiển xe mô tô trên đường đi đến trại vịt của ông Hai (không rõ nhân thân), cách nhà H1 khoảng 1 km thì nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên điều khiển xe đến xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn sang biên giới Campuchia cầm cho một người không rõ nhân thân với giá 3.500.000 đồng. Sau đó T bỏ đi Bình Dương làm thuê.

Đến ngày 24-3-2020, Nguyễn Văn T bị khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam để điều tra.

Vật chứng thu giữ: không.

Tại bản kết luận định giá T sản số 36/BB-TTHS ngày 16-7-2019 và số 108/BB-TTHS ngày 04-12-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tri Tôn kết luận: Xe mô tô biển số 67AN-017.55 nhãn hiệu ESPERO CUP, màu xanh trắng, đã qua sử dụng, được định giá là 7.000.000 đồng; xe mô tô biển số 67F1-282.55 nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu trắng đen, số khung 3626EY129171, số máy JA36E0223993, đã qua sử dụng, được định giá là 17.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi như nội dung vụ án.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận: Do không có tiền tiêu xài nên đã trộm xe của Lâm Văn Tuấn A và lợi dụng niềm tin mượn xe, sau đó chiếm đoạt xe của Trần Văn L cầm để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Lâm Văn Tuấn A trình bày giống như nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường giá trị chiếc xe là 5.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Trần Văn L khẳng định tình tiết của vụ án đúng như lời bị cáo khai nhận, đồng thời yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường giá trị chiếc xe là 17.500.000 đồng và xử lý hành vi chiếm đoạt T sản của bị cáo theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th có lời khai: Xe mô tô biển số 67F1-282.55 là do ông mua và đã cho Trần Văn L nên mọi yêu cầu do L quyết định, ông không có ý kiến và yêu cầu khác.

Những người làm chứng Võ Chí B, Trần Minh Tr, Huỳnh Thị H1, Trần Minh T, Nguyễn Duy Th1, Võ Chí H, Phan Thị Thu Th, Đào Văn H1 đã có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp với nội dung vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá T sản.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSTT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 173 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản” quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 173 và

tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng Điểm a khoản 1 điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Lâm Văn Tuấn A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trị giá xe gắn máy 5.000.000 đồng, bị hại Trần Văn L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trị giá xe mô tô 17.500.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Nhận thấy, mức yêu cầu bồi thường của các bị hại là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của các bị hại.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đề nghị không phạt bổ sung tiền đối với bị cáo.

Đối với việc bị cáo khai nhận sang Campuchia cầm xe mô tô, qua điều tra không xác định được bị cáo xuất cảnh trái phép nên không có cơ sở xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tri Tôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vì không có tiền tiêu xài nên đã trộm xe của bị hại Lâm Văn Tuấn A và chiếm đoạt xe mô tô của bị hại Trần Văn L với mục đích bán để tiêu xài cá nhân.

[3] Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, đồng thời cũng phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, các kết luận định giá T sản số 36/BB-TTHS ngày 16-7-2019 và số 108/BB-TTHS ngày 04-12-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tri Tôn và các T liệu, chứng cứ khác đã thu giữ được. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 07-7-2019, bị cáo Nguyễn Văn T đã lén lút lấy trộm xe gắn máy biển số 67AN-017.55, nhãn hiệu ESPERO CUP, màu xanh trắng của Lâm Văn Tuấn A trị giá 7.000.000 đồng, đồng thời khoảng 9 giờ 30 phút ngày 09-10-2019, lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của bị hại Trần Văn L, bị cáo đã có hành vi mượn xe, sau đó chiếm đoạt xe mô tô biển số 67F1-282.55 nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu trắng đen của Trần Văn L trị giá 17.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản” theo điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì không những xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của những người bị hại mà còn ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, tạo nên tâm lý lo lắng, bất bình của quần chúng nhân dân.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nhưng vì bản tính tham lam, lười lao động lại muốn có nhiều tiền phục vụ cho nhu cầu bản thân nên bị cáo đã lén lút lấy trộm xe gắn máy của ông Tuấn Anh, đồng thời đã lợi dụng sự tin tưởng của ông L khi ông L cho mượn xe mô tô, sau đó thực hiện hành vi chiếm đoạt T sản, với tổng giá trị T sản chiếm đoạt hai lần là 24.500.000 đồng. Vì vậy, cần phải áp dụng một chế T hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Vì vậy, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lâm Văn Tuấn A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trị giá xe gắn máy 5.000.000 đồng, bị hại Trần Văn L yêu cầu bị cáo bồi

thường số tiền trị giá xe mô tô 17.500.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Nhận thấy, mức yêu cầu bồi thường của các bị hại là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên không phạt bổ sung tiền đối với bị cáo.

Đối với việc bị cáo khai nhận sang Campuchia cầm xe mô tô, qua điều tra không xác định được bị cáo xuất cảnh trái phép nên không có cơ sở xử lý.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Cót) phạm tội “Trộm cắp T sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “ Trộm cắp T sản”;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của hai tội mà bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 24-3-2020 (ngày hai mươi bốn tháng ba năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Lâm Văn Tuấn A số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bồi thường cho bị hại Trần Văn L số tiền 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cộng chung tiền án phí mà bị cáo phải chịu là 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Cơ quan THAHS, HTTP (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Hùng